

TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NEPAL TRONG BỐI CẢNH MỚI

Strengthening Vietnam - Nepal economic relations in the new context

NGUYỄN TRUNG ĐỨC*

ORCID: <https://orcid.org/0009-0000-4266-2625>

Ngày nhận bài: 18/01/2026, ngày gửi phản biện: 20/01/2026, ngày duyệt đăng: 02/02/2026

Bài viết phân tích thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal, tập trung vào các lĩnh vực thương mại, đầu tư, du lịch và khuôn khổ chính sách song phương. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá mức độ phát triển hợp tác kinh tế giữa hai nước, đồng thời nhận diện các cơ hội và rào cản chủ yếu. Trên cơ sở phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp và phân tích chính sách, kết quả nghiên cứu cho thấy quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal hiện vẫn ở quy mô khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng, do hạn chế về kết nối hạ tầng, khung pháp lý và thông tin thị trường. Từ đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường quan hệ kinh tế song phương trong thời gian tới.

Từ khóa: Đầu tư, quan hệ kinh tế, thương mại song phương, Việt Nam, Nepal.

This article examines the current state of economic relations between Vietnam and Nepal, with a focus on key areas such as trade, investment, tourism, and the bilateral policy framework. The study aims to assess the level of development of bilateral economic cooperation while identifying major opportunities and barriers affecting bilateral economic relations. Employing a qualitative approach based on the analysis and synthesis of secondary data and policy analysis, the findings indicate that Vietnam - Nepal economic relations remains limited in scale and falls short of its potential due to constraints related to infrastructure connectivity, legal frameworks, and market information. On this basis, the article proposes several policy recommendations to promote bilateral economic relations in the coming period.

Keywords: Investment, economic relations, bilateral trade, Vietnam, Nepal.

1. Giới thiệu

Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nepal chính thức được thiết lập từ năm 1975, đặt nền móng cho mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa hai quốc gia. Trải qua 50 năm, quan hệ Việt Nam - Nepal không ngừng được củng cố trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hóa và giao lưu nhân dân. Đặc biệt, trong chuyến thăm Nepal của Phó Chủ tịch nước Việt Nam Võ Thị Ánh Xuân nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Email: nguyentrungduc1711@gmail.com

lập quan hệ ngoại giao (1975 - 2025), lãnh đạo hai nước đều bày tỏ quyết tâm tăng cường và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ song phương, trong đó hợp tác kinh tế được xác định là một trong những trụ cột quan trọng cần được thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực đang có nhiều biến động, đặc biệt là quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, xu hướng tăng cường hợp tác Nam - Nam và nhu cầu đa dạng hóa thị trường, đối tác kinh tế của các quốc gia đang phát triển, việc thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nepal ngày càng trở nên có ý nghĩa chiến lược. Nepal - với GDP khoảng 43 tỷ USD (WB, 2025a) - đang nỗ lực vượt qua thách thức phát triển và dự kiến sẽ ra khỏi nhóm các nước kém phát triển (LDC) vào năm 2026 (Kathmandu Post, 2025). Việc Nepal rời khỏi nhóm LDC đồng nghĩa sẽ giảm dần các ưu đãi đặc biệt mà nước này được hưởng, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải mở rộng quan hệ kinh tế, tìm kiếm đối tác mới và nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong khi đó, Việt Nam là nền kinh tế năng động ở châu Á với GDP năm 2024 khoảng 476 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng cao (WB, 2025b), được xem là một đối tác tiềm năng của Nepal tại khu vực Đông Nam Á.

Mặc dù có nền tảng chính trị thuận lợi và nhiều điểm tương đồng, hợp tác kinh tế Việt Nam - Nepal đến nay vẫn còn ở quy mô khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và quan hệ hữu nghị sẵn có. Thực trạng này đặt ra nhiều câu hỏi cần được làm rõ, như: đâu là đặc điểm và mức độ phát triển hiện nay của quan hệ kinh tế song phương; những cơ hội và rào cản chủ yếu đang tác động đến hợp tác giữa hai nước; và cần có những giải pháp chính sách nào để thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal phát triển thực chất và bền vững hơn trong thời gian tới.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal trong bối cảnh mới, với phạm vi nghiên cứu chủ yếu xoay quanh các lĩnh vực hợp tác kinh tế then chốt như thương mại, đầu tư, du lịch và khuôn khổ chính sách song phương. Mục tiêu nghiên cứu của bài viết là đánh giá một cách hệ thống thực trạng hợp tác kinh tế giữa hai nước, nhận diện các cơ hội và thách thức chủ yếu, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả và chiều sâu của quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal trong giai đoạn tới.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận chủ đề tăng cường quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal theo hướng kết hợp giữa phân tích chính sách, phân tích quan hệ kinh tế quốc tế và nghiên cứu trường hợp song phương, nhằm làm rõ cả bối cảnh, thực trạng và triển vọng hợp tác giữa hai quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Cách tiếp cận này cho phép xem xét quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal không chỉ như một hiện tượng kinh tế thuần túy, mà còn trong mối liên hệ chặt chẽ với bối cảnh chính trị, thể chế và xu hướng hợp tác khu vực, quốc tế.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, dựa trên việc hệ thống hóa và xử lý các nguồn tài liệu thứ cấp. Các số liệu về

thương mại, đầu tư và quy mô kinh tế được thu thập từ các nguồn chính thức và có độ tin cậy cao như Ngân hàng Thế giới (WB), cơ quan thống kê và ngân hàng trung ương của Nepal,... Bên cạnh đó, bài viết khai thác các báo cáo, bài viết chuyên đề và thông tin từ các cơ quan ngoại giao, truyền thông và tổ chức nghiên cứu nhằm bổ sung dữ liệu để làm rõ mục tiêu nghiên cứu.

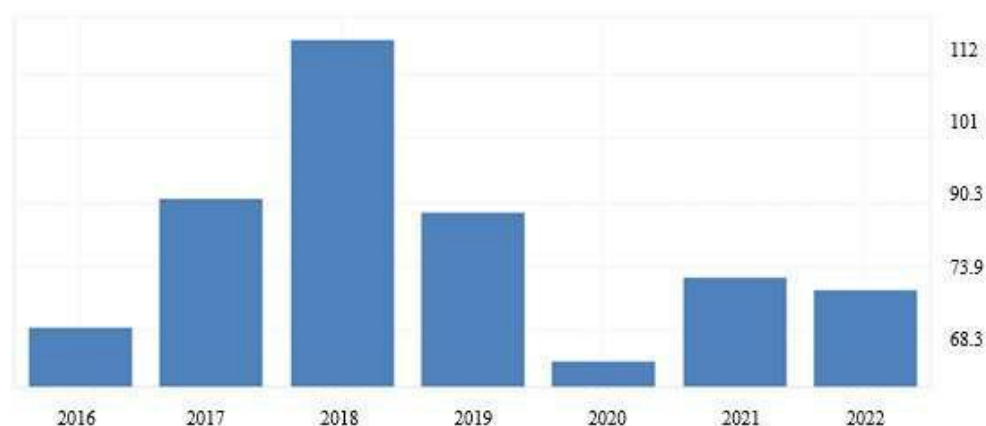
Ngoài ra, phương pháp so sánh được vận dụng để đặt quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal trong tương quan với tiềm năng và mức độ hợp tác thực tế, qua đó làm rõ khoảng cách giữa kỳ vọng và hiện trạng. Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết sử dụng phương pháp suy luận logic và phân tích chính sách để nhận diện các cơ hội, rào cản chủ yếu, đồng thời đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế song phương theo hướng hiệu quả, thực chất và bền vững hơn trong thời gian tới.

3. Thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal

Về thương mại, từ mức khởi điểm rất thấp, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Nepal đã gia tăng đáng kể trong thập kỷ qua. Giai đoạn 2012 - 2017, trao đổi thương mại hai nước tăng gần 400%, từ khoảng 9,35 triệu USD lên 47 triệu USD. Đà tăng trưởng tiếp tục trong những năm sau đó: theo Đại sứ quán Việt Nam, năm 2023 và 2024, tổng kim ngạch hai chiều đạt gần 100 triệu USD mỗi năm - một con số tích cực nhưng vẫn rất khiêm tốn so với tiềm năng của hai bên (VietnamPlus, 2025).

Hình 3.1. Xuất khẩu Việt Nam sang Nepal từ năm 2016 đến năm 2022

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: Trading Economics (2025)

Đáng chú ý, cán cân thương mại có xu hướng nghiêng rõ rệt về phía Việt Nam khi Nepal hầu như luôn nhập siêu. Trong năm tài chính 2024/25, Nepal nhập khẩu từ Việt Nam lượng hàng hóa có trị giá khoảng 6,88 tỷ rupee (tương đương 55 - 60 triệu USD), trong khi xuất khẩu sang Việt Nam chỉ đạt 44,7 triệu rupee, tức chưa đến 1 triệu USD (Rising Nepal Daily, 2025).

Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang Nepal các hàng hóa tiêu dùng và công nghiệp nhẹ, còn Nepal xuất khẩu sang Việt Nam số ít các mặt hàng nông sản đặc sản. Cụ thể, mặt hàng nổi bật mà Nepal nhập từ Việt Nam là hạt tiêu đen - trị giá khoảng 636,7 triệu rupee trong năm 2024 (Rising Nepal Daily, 2025). Ngoài ra, Nepal còn nhập nhiều máy móc, thiết bị điện tử và hàng tiêu dùng từ Việt Nam, bao gồm: các loại bộ định tuyến, máy in, máy photocopy, sạc điện thoại, máy giặt, thiết bị điện gia dụng khác, cùng với đó là các mặt hàng nông sản, thực phẩm chế biến như hạt điều, cá tra, mì ăn liền, bánh kẹo, nhang (hương) và nguyên liệu công nghiệp như tấm nhựa in, hạt nhựa (calcium carbonate), thảo trái sần. Một số sản phẩm công nghiệp nhẹ khác của Việt Nam cũng thâm nhập thị trường Nepal như giày dép và vật liệu xây dựng. Ngược lại, các sản phẩm chính Nepal xuất khẩu sang Việt Nam hiện nay còn rất hạn chế, chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng đặc thù bao gồm dược liệu quý hiếm (như đông trùng hạ thảo Yarsagumba trên dãy Himalaya), nấm, một số nhạc cụ truyền thống, thịt chế biến, và hàng thủ công mỹ nghệ.

Có thể thấy Việt Nam xuất khẩu những mặt hàng tiêu dùng, nông sản chế biến và máy móc mà Nepal có nhu cầu, trong khi Nepal cung cấp các sản phẩm đặc sản theo nhu cầu thị trường ngách. Cơ cấu này phù hợp với thế mạnh về sản xuất công nghiệp và hàng tiêu dùng của Việt Nam và lợi thế về tài nguyên sinh học độc đáo và thủ công truyền thống của Nepal. Mặc dù vậy, do tổng khối lượng và giá trị trao đổi giữa hai nước còn rất nhỏ nếu so với thương mại toàn cầu của mỗi nước, cho thấy dư địa mở rộng còn lớn.

Về đầu tư, hiện tại, dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) giữa Việt Nam và Nepal ở mức rất thấp. Việt Nam chưa có dự án đầu tư lớn nào tại Nepal, và ngược lại Nepal cũng chưa đầu tư gì đáng kể vào Việt Nam. Thống kê của Ngân hàng Nhà nước Nepal cho thấy tính đến giữa năm 2023, tổng vốn FDI của Việt Nam tại Nepal chỉ khoảng 36,4 triệu rupee, chiếm vốn vện 0,01% tổng vốn đầu tư nước ngoài ở Nepal (Nepal Rastra Bank, 2024). Con số này tương đương chưa đến 0,3 triệu USD - một mức rất thấp, chủ yếu dưới dạng một vài dự án hoặc doanh nghiệp nhỏ. Trong danh sách các nhà đầu tư nước ngoài tại Nepal, Việt Nam hiện đứng ở nhóm các nhà đầu tư có quy mô vốn nhỏ (Nepal Rastra Bank, 2024). Ở chiều ngược lại, do quy mô kinh tế và trình độ công nghệ của Nepal còn hạn chế, nước này hầu như không có hoạt động đầu tư sang Việt Nam.

Thực tế, hợp tác kinh tế song phương đến nay tập trung chủ yếu ở thương mại hàng hóa; các dự án đầu tư hay liên doanh giữa doanh nghiệp hai nước còn rất hiếm. Một tín hiệu tích cực là thời gian gần đây, Nepal bày tỏ mong muốn thu hút đầu tư từ doanh nghiệp Việt Nam trong một số lĩnh vực trọng điểm. Chính phủ Nepal khẳng định có chủ trương khuyến khích nhà đầu tư Việt Nam, coi đây là nguồn vốn và kinh nghiệm quý báu để phát triển kinh tế trong nước (Bnews, 2024). Tuy nhiên, để biến tiềm năng thành hiện thực, hai bên cần sớm thiết lập các khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho đầu tư (như hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, tránh đánh thuế hai lần, v.v.) và tăng cường kết nối thông tin giữa cộng đồng doanh nghiệp hai nước.

Về du lịch, du lịch được đánh giá là một lĩnh vực có tiềm năng bứt phá trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal. Mặc dù lượng du khách qua lại giữa hai nước hiện chưa lớn do trở ngại địa lý và kết nối giao thông, xu hướng những năm gần đây rất tích cực. Ngày càng nhiều người Việt Nam lựa chọn Nepal làm điểm đến du lịch, nhất là loại hình du lịch tâm linh và mạo hiểm. Nepal hấp dẫn du khách Việt bởi dãy Himalaya hùng vĩ, đỉnh Everest nổi tiếng và các thánh địa Phật giáo như Lumbini (quê hương Đức Phật). Ngược lại, Việt Nam với các bãi biển đẹp, di sản văn hóa phong phú và ẩm thực đa dạng cũng bắt đầu thu hút sự quan tâm của du khách Nepal. Tuy vậy, do chưa có đường bay thẳng, du khách hai nước phải quá cảnh qua nước thứ ba (thường là Thái Lan, Ấn Độ hoặc Malaysia), khiến thời gian và chi phí đi lại tăng cao. Điều này hạn chế số lượng khách du lịch và trao đổi nhân lực giữa hai nước. Mặt khác, Nepal cũng phản ánh một số vướng mắc về thủ tục visa: công dân Nepal xin visa vào Việt Nam hiện mất nhiều thời gian chờ xét duyệt và thường chỉ được cấp thị thực ngắn hạn.

Về khuôn khổ hợp tác kinh tế và cơ chế chính sách, cho đến nay, Việt Nam và Nepal chưa ký kết hiệp định thương mại tự do hay hiệp định thương mại song phương nào. Quan hệ thương mại chủ yếu dựa trên quy tắc tối huệ quốc (MFN) trong khuôn khổ WTO. Hai nước cũng chưa có đường bay trực tiếp hay tuyến vận tải hàng hóa cố định, khiến kết nối logistics còn yếu. Nhận thức được hạn chế này, chính phủ hai nước thời gian qua đã tích cực trao đổi nhằm thiết lập các khuôn khổ hợp tác căn bản: Nepal đề xuất ký Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) với Việt Nam để tạo nền tảng pháp lý cho xúc tiến thương mại, bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp. Đây có thể xem là một bước đi ban đầu hướng tới một hiệp định thương mại tự do trong tương lai nếu quan hệ tiến triển tốt. Bên cạnh đó, hai bên cũng cân nhắc ký kết các Bản ghi nhớ (MOU) về hợp tác trong các lĩnh vực cụ thể như du lịch, lao động, giáo dục... nhằm tạo thuận lợi cho trao đổi song phương.

Về cơ chế đối thoại, Việt Nam và Nepal đã nhất trí thiết lập Cơ chế Tham vấn chính trị cấp bộ ngoại giao, dự kiến cuộc họp đầu tiên sẽ sớm được tổ chức. Đây là diễn đàn để hai bên thảo luận định kỳ, bao quát cả các vấn đề hợp tác kinh tế. Ngoài ra, một tín hiệu tích cực là cộng đồng doanh nghiệp hai nước đã bắt đầu chủ động kết nối: một Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Nepal (VNCCI) được thành lập và đã có những cuộc làm việc đầu tiên. Các doanh nhân Nepal bày tỏ mong muốn sớm tổ chức đoàn sang thăm và khảo sát thị trường Việt Nam, trong khi phía Việt Nam cũng sẵn sàng hỗ trợ kết nối doanh nghiệp hai bên. Những động thái này cho thấy nỗ lực từ cả hai phía trong việc xây dựng hạ tầng mềm cho hợp tác kinh tế (bao gồm khung pháp lý, diễn đàn đối thoại và mạng lưới doanh nghiệp). Dù vậy, có thể nói thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal hiện vẫn chỉ ở giai đoạn khởi đầu, cần thêm thời gian và nỗ lực để định hình rõ ràng và phát triển tương xứng với tiềm năng cũng như quan hệ chính trị tốt đẹp sẵn có giữa hai nước.

4. Cơ hội và các rào cản chính

4.1. Các cơ hội tăng cường hợp tác

Tiềm năng bổ trợ giữa hai nền kinh tế: Mặc dù quy mô chênh lệch, Việt Nam và Nepal có cơ cấu kinh tế có thể bổ sung cho nhau hơn là cạnh tranh trực tiếp. Việt Nam là nước công nghiệp mới nổi, mạnh về sản xuất hàng tiêu dùng, nông sản chế biến, linh kiện điện tử, máy móc và vật liệu xây dựng. Trong khi đó, Nepal là nền kinh tế đang phát triển với thế mạnh về tài nguyên du lịch (cảnh quan thiên nhiên, văn hóa Phật giáo), nông nghiệp hữu cơ và các sản phẩm thảo dược, thủ công truyền thống. Điều này tạo cơ hội để mỗi bên xuất khẩu những mặt hàng mà bên kia có nhu cầu. Chẳng hạn, thị trường Nepal có nhu cầu ngày càng cao đối với hàng điện tử, thiết bị viễn thông, máy móc và hàng tiêu dùng giá phải chăng - những lĩnh vực mà doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế về giá và chất lượng. Ở chiều ngược lại, người tiêu dùng Việt Nam cũng quan tâm đến các sản phẩm độc đáo từ Himalaya như dược liệu thiên nhiên, trà thảo mộc, len cashmere, đồ thủ công mỹ nghệ v.v. nếu được quảng bá phù hợp. Do đó, tăng cường xúc tiến thương mại sẽ giúp khai thác tốt hơn tiềm năng bổ trợ này, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu của cả hai nước.

Cơ hội hợp tác trong lĩnh vực năng lượng và hạ tầng: Nepal nổi tiếng với tiềm năng thủy điện dồi dào từ hệ thống sông suối trên dãy Himalaya. Hiện nay mới chỉ một phần nhỏ tiềm năng này được khai thác, và Nepal luôn chào đón vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thủy điện và năng lượng tái tạo. Đây là cơ hội để các công ty Việt Nam - vốn có kinh nghiệm xây dựng các dự án thủy điện trong nước và khu vực - tham gia. Chính phủ Nepal đặc biệt mong muốn thu hút đầu tư từ Việt Nam vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ, trang trại điện mặt trời, điện gió v.v. Bên cạnh đó, Nepal đang cần phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và du lịch sau nhiều năm chậm tiến; trong khi các doanh nghiệp xây dựng và nhà thầu Việt Nam đã có uy tín ở thị trường quốc tế. Nếu có sự hỗ trợ từ hai chính phủ (ví dụ thông qua các hiệp định khung hoặc tín dụng ưu đãi), doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia các dự án xây dựng đường sá, cầu cống hoặc khu du lịch ở Nepal. Sự hợp tác này vừa giúp Nepal cải thiện cơ sở hạ tầng, vừa mở rộng thị trường cho ngành xây dựng Việt Nam.

Dư địa lớn trong hợp tác du lịch và giao lưu nhân dân: Du lịch giữa Việt Nam và Nepal mới ở giai đoạn bắt đầu, dư địa tăng trưởng còn rất lớn. Cả hai nước đều đang chú trọng phát triển du lịch quốc tế sau đại dịch, mở ra cơ hội liên kết các tuyến du lịch liên quốc gia. Chẳng hạn, các công ty lữ hành có thể xây dựng sản phẩm tour kết nối “Hành trình di sản và tâm linh: từ Vịnh Hạ Long, Tràng An (Việt Nam) đến Kathmandu, Lumbini (Nepal)”, hoặc các gói leo núi khám phá Everest dành cho du khách Việt. Ngược lại, du khách Nepal có thể được quảng bá về các bãi biển, resort và trải nghiệm ẩm thực, mua sắm ở Việt Nam. Vai trò của ngoại giao nhân dân và các tổ chức hữu nghị rất quan trọng trong việc thúc đẩy lĩnh vực này. Thời gian qua, Hội Hữu nghị Việt Nam - Nepal cùng đối tác Nepal đã tích cực tổ chức trao đổi đoàn, sự kiện văn hóa, qua đó tăng cường hiểu biết và kích thích nhu cầu du lịch lẫn nhau.

4.2. Rào cản

Bên cạnh cơ hội, những rào cản không nhỏ vẫn đang cản trở quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal phát triển tương xứng. Có thể điểm qua các rào cản chính sau:

Hạn chế về khoảng cách địa lý và kết nối hạ tầng: Trở ngại rõ ràng nhất là vị trí địa lý cách xa và thiếu kết nối trực tiếp. Nepal là quốc gia nội lục không giáp biển, trong khi Việt Nam nằm ven Biển Đông. Giao thương hàng hóa Việt Nam - Nepal hiện phải đi vòng qua nước thứ ba: ví dụ hàng từ Việt Nam muốn sang Nepal thường phải đường biển đến cảng Ấn Độ (Kolkata) rồi chuyển tiếp đường bộ qua biên giới Ấn Độ - Nepal, hoặc vận chuyển qua đường hàng không trung chuyển qua Bangkok hoặc Delhi. Quá trình này làm tăng chi phí logistics đáng kể, kéo dài thời gian giao hàng, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa. Việc chưa có đường bay thẳng khiến đi lại của doanh nhân và khách du lịch mất thời gian (thường phải nối chuyến qua 1 - 2 chặng). Tình trạng hạ tầng giao thông của Nepal cũng là rào cản: hệ thống đường bộ, sân bay của Nepal còn kém phát triển, vận chuyển nội địa khó khăn, gây tâm lý e ngại cho nhà đầu tư ngoại. Tóm lại, chi phí giao dịch cao do khoảng cách và hạ tầng hạn chế là một trong những thách thức lớn làm chậm dòng chảy thương mại, đầu tư giữa hai nước.

Thiếu thông tin thị trường và hiểu biết lẫn nhau: Do quan hệ kinh tế còn mờ nhạt trong thời gian dài, cộng đồng doanh nghiệp hai nước chưa có nhiều thông tin về môi trường kinh doanh, nhu cầu và đối tác tiềm năng của nhau. Với doanh nghiệp Việt Nam, Nepal vẫn là thị trường nhỏ, xa xôi, ít được chú ý so với các thị trường truyền thống như Đông Á, Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU) hay láng giềng ASEAN. Kiến thức về luật pháp, tập quán kinh doanh, thị hiếu người tiêu dùng Nepal của phía Việt Nam còn hạn chế. Ngược lại, doanh nghiệp Nepal cũng ít hiểu biết về thị trường Việt Nam - vốn lớn gấp hơn 10 lần nền kinh tế Nepal, với hệ thống pháp luật, ngôn ngữ và văn hóa kinh doanh rất khác Ấn Độ (đối tác chính của Nepal). Sự thiếu hiểu biết và lòng tin ban đầu này khiến doanh nghiệp hai bên e dè, chưa mạnh dạn tìm kiếm cơ hội hợp tác. Mặc dù các hiệp hội như Phòng thương mại chung đã hình thành, nhưng cần thời gian để xây dựng mạng lưới kết nối doanh nghiệp vững chắc, cung cấp thông tin thị trường chuẩn xác. Việc khắc phục rào cản “mù mờ thông tin” đòi hỏi tăng cường xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, diễn đàn doanh nghiệp thường xuyên hơn - điều hiện vẫn còn hạn chế.

Cạnh tranh ảnh hưởng từ các đối thủ khác: Nepal có vị trí địa chiến lược ở Nam Á nên thu hút sự quan tâm của nhiều nước lớn và các nhà đầu tư khu vực, đặc biệt là Ấn Độ và Trung Quốc. Về thương mại và đầu tư, Ấn Độ hiện chiếm thị phần áp đảo trong kinh tế Nepal (hơn 60% ngoại thương của Nepal là với Ấn Độ). Trung Quốc cũng đang gia tăng ảnh hưởng qua Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI), đầu tư vào hạ tầng Nepal. Trong bối cảnh đó, không gian thị trường dành cho Việt Nam ở Nepal có thể bị hạn chế, hoặc doanh nghiệp Việt phải cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc, Ấn Độ vốn đã quen thuộc tại Nepal. Tương tự, các nhà đầu tư khác từ Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đang thăm dò Nepal. Việt Nam đến sau, lợi thế chưa rõ rệt, nên muốn thâm nhập phải

có cách tiếp cận riêng (như tập trung vào lĩnh vực ngách, hoặc hợp tác ba bên cùng có lợi). Thêm nữa, về du lịch, Nepal cũng cạnh tranh với các điểm đến khác trong khu vực để hấp dẫn du khách Việt.

Vấn đề thị thực và khung pháp lý chưa đồng bộ: Như đã nêu, rào cản visa đối với công dân Nepal vào Việt Nam là một trở ngại không nhỏ trong ngắn hạn. Hiện tại, Việt Nam chưa có chính sách miễn thị thực hoặc cấp e-visa cho người Nepal, gây khó khăn cho thương nhân và khách du lịch Nepal muốn sang Việt Nam tìm hiểu thị trường. Ở chiều ngược lại, Nepal đã cấp visa tại cửa khẩu (visa on arrival) khá thuận lợi cho người Việt, nhưng việc thiếu đường bay thẳng khiến lợi thế này chưa phát huy hiệu quả. Bên cạnh visa, một số thiếu hụt khuôn khổ pháp lý song phương cũng là thách thức: hai nước chưa có hiệp định thương mại, chưa có hiệp định tránh đánh thuế hai lần, hiệp định vận tải hàng không, dẫn đến rủi ro cho doanh nghiệp. Việc sớm đàm phán và ký kết các hiệp định, thỏa thuận cần thiết đặt ra như một yêu cầu cấp thiết để xóa bỏ rào cản pháp lý, tâm lý cho các nhà đầu tư và xuất nhập khẩu của hai bên.

5. Một số khuyến nghị tăng cường quan hệ kinh tế song phương

Để hiện thực hóa tiềm năng và vượt qua thách thức nêu trên, Việt Nam và Nepal cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính nhằm tăng cường quan hệ kinh tế song phương trong thời gian tới:

Thứ nhất, tăng cường trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao: Duy trì thường xuyên các chuyến thăm, gặp gỡ giữa lãnh đạo cấp cao, bộ ngành hai nước để tăng cường mức độ tin cậy chính trị và chỉ đạo chiến lược cho hợp tác kinh tế. Cùng với đó, tiếp tục ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn đa phương (Liên Hợp Quốc, Phong trào Không liên kết, v.v.) nhằm thắt chặt quan hệ đối tác toàn diện. Sự quan tâm từ cấp cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi và khung định hướng rõ ràng cho các cơ quan và doanh nghiệp triển khai sáng kiến hợp tác.

Thứ hai, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý song phương: Sớm thúc đẩy đàm phán và ký kết Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) giữa hai nước. Hiệp định này sẽ thiết lập cơ chế đối thoại kinh tế chính thức, tạo nền tảng cho việc giải quyết rào cản thương mại, thuận lợi hóa đầu tư. Hai bên cần nhắc ký các Bản ghi nhớ (MOU) trong từng lĩnh vực: hợp tác thương mại, hợp tác đầu tư, du lịch, lao động, giáo dục... để có cơ chế phối hợp cụ thể. Đặc biệt, hai nước nên xem xét đàm phán Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Hiệp định bảo hộ đầu tư song phương (BIT) nhằm bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, tạo niềm tin cho doanh nghiệp hai bên.

Thứ ba, đẩy mạnh xúc tiến thương mại - đầu tư và kết nối doanh nghiệp: Cả Việt Nam và Nepal cần chủ động tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, diễn đàn doanh nghiệp, hội chợ triển lãm luân phiên tại mỗi nước. Thông qua đó, doanh nghiệp hai bên có cơ hội giao lưu trực tiếp, tìm hiểu nhu cầu và thế mạnh của nhau. Nepal nên tích cực tham gia các hội chợ lớn ở Việt Nam để quảng bá sản phẩm (hàng thủ công, thảo dược, trà, nông sản đặc sản). Ngược lại, Việt Nam cũng có thể cử đoàn doanh nghiệp sang

các hội nghị xúc tiến đầu tư do Nepal tổ chức (như Hội nghị thượng đỉnh đầu tư Nepal) để tìm kiếm cơ hội. Hai bên cần phát huy vai trò cầu nối của các hiệp hội như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Nepal (VNCCI) trong việc trao đổi thông tin thị trường, hỗ trợ thiết lập đối tác kinh doanh. Ngoài ra, có thể lập các Trung tâm giới thiệu sản phẩm (showroom) của Việt Nam tại Kathmandu và của Nepal tại Hà Nội/Thành phố Hồ Chí Minh, giúp quảng bá hàng hóa và kết nối giao thương thường xuyên.

Thứ tư, cải thiện kết nối giao thông và thuận lợi hóa visa: Đây là giải pháp then chốt để xóa dần rào cản địa lý. Hai nước cần phối hợp thúc đẩy sớm mở đường bay thẳng giữa Việt Nam và Nepal. Ban đầu có thể thí điểm đường bay Hà Nội - Kathmandu với tần suất hợp lý, về lâu dài có thể mở thêm tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Kathmandu. Các hãng hàng không có thể nhận được hỗ trợ ban đầu về phí sân bay hoặc quảng bá để tuyển bay sớm ổn định. Bên cạnh đó, Việt Nam nên xem xét đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực cho công dân Nepal: mở rộng diện được cấp e-visa hoặc visa on arrival cho khách du lịch, thương nhân Nepal. Việc cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần với thời hạn dài hơn cho doanh nhân, sinh viên Nepal cũng nên được cân nhắc. Về phía Nepal, tiếp tục duy trì chính sách visa thông thoáng cho người Việt và cải thiện dịch vụ tại cửa khẩu. Khi việc đi lại trở nên dễ dàng, quan hệ kinh tế và giao lưu sẽ phát triển mạnh mẽ hơn.

6. Kết luận

Trải qua 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Việt Nam và Nepal đã xây dựng được nền tảng hữu nghị vững chắc, tạo tiền đề thuận lợi để mở rộng hợp tác sang lĩnh vực kinh tế. Bước sang giai đoạn phát triển mới, cả hai nước đều nhận thức rõ nhu cầu đưa quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn, vì lợi ích thiết thực của mỗi bên. Thực trạng hiện nay cho thấy thương mại, đầu tư song phương còn rất khiêm tốn, nhưng xu hướng cải thiện là đáng khích lệ. Trước những cơ hội rộng mở từ tính hỗ trợ của hai nền kinh tế, tiềm năng du lịch, cho tới quyết tâm của chính phủ hai nước, Việt Nam, Nepal có điều kiện thuận lợi để đột phá trong quan hệ kinh tế thời gian tới. Song hành với cơ hội là những thách thức không nhỏ về khoảng cách địa lý, hạn chế hạ tầng và hiểu biết lẫn nhau, đòi hỏi hai bên phải có giải pháp phù hợp và hiệu quả. Với nền tảng tin cậy chính trị và quyết tâm hiện hữu, tin rằng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nepal sẽ được tăng cường, đạt được những bước tiến đột phá trong bối cảnh mới, qua đó đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước cũng như củng cố tình hữu nghị truyền thống giữa hai dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Kathmandu Post. (2025). *Nepal's 2026 LDC exit could backfire, experts warn*. <https://kathmandupost.com/money/2025/11/10/calls-grow-to-delay-nepal-s-ldc-exit>. Ngày truy cập 25/12/2025.

2. Nepal Rastra Bank. (2024). *Survey Report on Foreign Direct Investment 2022/23*. <https://www.nrb.org.np/contents/uploads/2024/08/Survey-Report-on-Foreign-Direct-Investment-2022-23.pdf>. Ngày truy cập 25/12/2025.
3. Rising Nepal Daily. (2025). *Multidimensional partnership between Nepal and Vietnam discussed*. <https://risingnepaldaily.com/news/67257>. Ngày truy cập 22/12/2025.
4. Trading Economics. (2025). *Nepal Imports from Vietnam*. <https://tradingeconomics.com/nepal/imports/vietnam>. Ngày truy cập 28/12/2025.
5. VietnamPlus. (2025). *Việt Nam - Nepal: Tình hữu nghị tiếp tục phát triển và bền vững*. <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-nepal-tinh-huu-nghi-tiep-tuc-phat-trien-va-ben-vung-post1038383.vnp> vietnamplus.vn. Ngày truy cập 28/12/2025.
6. World Bank. (2025a). *GDP (current US\$) - Nepal*. World Bank Open Data. <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=NP>. Ngày truy cập 22/12/2025.
7. World Bank. (2025b). *Vietnam - data*. World Bank Open Data. <https://data.worldbank.org/country/viet-nam>. Ngày truy cập 22/12/2025.